

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST  
Ngày 24-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Quang Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hùng

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Thông báo về việc tạm ngừng phiên tòa số 01/TB-TA ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với:

***- Các bị cáo:***

**1. Lê Văn G**, sinh năm 1999; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Campuchia; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1976; có vợ Phan Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 người con Lê Văn ó, sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/LCĐKNCT, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**2. Cao Văn V**, sinh năm 1989; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T,

tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Biết viết tên; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn M, sinh năm 1946 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1952; có vợ Huỳnh Thị D, sinh năm 1982 và có 01 người con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/LCĐKNCT, ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Võ Ngọc T, sinh năm 1989 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: Ấp H, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (hiện nay là khóm H, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp)
2. Võ Văn L, sinh năm 1990 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: Ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (hiện nay là khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp)
3. Nguyễn Văn P, sinh năm 1954 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: Khóm L, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp
4. Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: Khóm L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp
5. Trương Thị Thúy L, sinh năm 1987 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (hiện nay là khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp)
6. Thi Hùng C, sinh năm 1987 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp
7. Trần Văn L, sinh năm 1953 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp
8. Hồ Thanh Tâm, sinh năm 1985 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Lê Văn M, sinh năm 1974 (*có mặt*)
2. Lê Văn S, sinh năm 1997 (*có mặt*)
3. Trần Văn Đ, sinh năm 1969 (*có đơn xin vắng mặt*)
4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (*có đơn xin vắng mặt*)
5. Trương Văn H, sinh năm 1972 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
6. Phạm Văn B, sinh năm 1972 (*có đơn xin vắng mặt*)  
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và phụ giúp tiền nuôi mẹ bị bệnh nên Lê Văn G cùng với V (không xác định được nhân thân, lý lịch) thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là mô tua, vỏ lãi và máy xăng, bình ắc quy trên địa bàn huyện T, thị xã H và huyện T. Tài sản trộm được G bán cho nhiều người, trong đó bị cáo Cao Văn V biết rõ tài sản là mô tua điện do G trộm được mà có nhưng vẫn mua để bán lại kiếm lời, cụ thể như sau:

**Vụ thứ 1:** Vào đêm khuya ngày 16/4/2020, bị cáo G điều khiển vỏ lãi đi cùng với V đi dọc tuyến kênh T hướng từ thị trấn T đi P để tìm tài sản trộm. Khi đến bên sông trước nhà của ông Thi Hùng C thuộc địa phận ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thấy có 01 vỏ lãi và máy xăng hiệu HONDA 5,5 ngựa không người trông coi nên G điều khiển vỏ lãi đến cặp vào. Do vỏ lãi được buộc bằng dây xích nên bị cáo G dùng cưa sắt mang theo sẵn cưa đứt 01 mắc xích rồi dùng 02 chìa khóa cặp vào nạy cho chỗ bị cưa rộng ra để tháo dây xích. Xong bị cáo G mới điều khiển vỏ lãi dùng dây kéo theo vỏ lãi và máy vừa trộm được do V ngồi sau để chạy về nhà. Sau đó bị cáo G đem bán vỏ lãi cho ông Trần Văn Đ ngụ ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giá 6.600.000đồng, còn máy xăng thì tháo dàn lắp ra gắn vào đầu máy trộm trong vụ trộm thứ 3 rồi bán cho ông Trương Văn H ngụ như trên, còn đầu máy HONDA 5,5 ngựa thì bị hư nên bán phế liệu không thu được.

Vật chứng thu giữ có liên quan: thu giữ của ông Trần Văn Đ 01 vỏ lãi bằng composite, màu xanh trắng, bên hông có nhãn hiệu Hữu Duy (Đại lý Đời Đẹp) dài 9,20 mét rộng 01 mét, đã qua sử dụng; Thu giữ của ông Trương Văn H 01 dàn sắt xi (dàn lắp) màu đỏ, dài 2,90 mét, có gắn chân vịt ba cánh.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/BKLDG ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: vỏ lãi Composite kích thước dài 9,20 mét rộng 01 mét có giá 5.300.000đồng; dàn lắp sắt dài 2,90 mét có chân vịt 03 cánh giá 900.000đồng; máy xăng hiệu HONDA loại 5,5 ngựa giá 1.850.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo G trộm trong vụ này là 8.050.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Thi Hùng C đã nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc vỏ lãi và dàn lắp sắt, không yêu cầu gì thêm. Ông Trần Văn Đ yêu cầu bị cáo G trả lại số tiền mua vỏ lãi 6.600.000đồng không yêu cầu gì thêm, gia đình và bị cáo thống nhất bồi thường.

**Vụ thứ 2:** Vào đêm ngày 18/4/2020, bị cáo G điều khiển vỏ lãi đi cùng với V đi dọc K hướng thị xã H đi huyện T để kiếm tài sản trộm. Khi chạy đến bên trước nhà của ông Võ Ngọc T thuộc ấp H, xã AB, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

thấy có vỏ lãi loại dài 6,40 mét và máy xăng loại 18 ngựa hiệu DOCAS 420 18HP nên ghé vào. Do vỏ lãi được khóa bằng dây xích nên bị cáo G dùng thủ đoạn như vụ thứ nhất để tháo dây xích rồi cặp vỏ lãi vừa trộm được với vỏ lãi của bị cáo G bơi qua bờ đối diện. Lúc này, bị cáo G mở đèn pin mang theo xem thì thấy máy xăng đã củ nên bỏ xuống kênh, chỉ lấy vỏ lãi. Sau đó bị cáo G sử dụng vỏ lãi này làm phương tiện đi trộm tài sản và bị phát hiện nên giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ có liên quan: thu giữ của bị cáo G 01 chiếc vỏ lãi composite, màu trắng xanh, nhãn hiệu CMC dài 6,4 mét rộng 0,8 mét bên hông có dòng chữ “6m5 CaMau vỏ lãi cao cấp, Tấn Đạt Composite ĐT 0918 897 833, CMC Composite ĐT: 0919 657 509”, đã qua sử dụng.

Biên bản định giá tài sản số 29/BB-HĐĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã H kết luận: chiếc vỏ lãi Composite, màu trắng xanh, nhãn hiệu CAMAU dài 6,4 mét, rộng 0,8 mét có giá là 3.350.000đồng; Bản kết luận định giá tài sản số 38/BKLĐG ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: máy xăng loại 18 ngựa hiệu DOCAS 420 18HP có gắn dàn sắt xi (dàn lợp) dài 1,7 mét đã qua sử dụng có giá 3.500.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo G trộm trong vụ thứ 2 là 6.850.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T yêu cầu nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc vỏ lãi và yêu cầu bị cáo G bồi thường máy xăng bị mất 6.000.000đồng. Trong quá trình điều tra đã trao trả tài sản cho bị hại T chiếc vỏ lãi, gia đình và bị cáo G đã bồi thường xong 6.000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

**Vụ thứ 3:** Vào đêm ngày 28/4/2020, bị cáo G tiếp tục đi cùng với V bằng vỏ lãi đi dọc K hướng thị xã H đi huyện T để kiếm tài sản trộm. Khi đến bên sông trước nhà anh Võ Văn L ngụ ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp thấy có nhiều vỏ lãi nhưng trong đó có 01 vỏ lãi dài 8,14 mét để sẵn máy xăng nên dùng thủ đoạn như hai vụ nêu trên lấy trộm vỏ lãi và máy xăng hiệu HONDA đem về nhà. Sau khi trộm vỏ lãi bị cáo G để sử dụng, còn máy xăng hiệu HONDA 5,5 ngựa bị cáo tháo đầu máy gắn vào lợp máy trong vụ trộm thứ 1 để vào chiếc vỏ lãi composite dài 5,90 mét rộng 0,8 mét của bị cáo bán cho ông Trương Văn H với giá 2.500.000đồng, còn dàn lợp thì để nhà đã trả lại cho ông L. Sau khi mua tài sản của bị cáo G, ông Trương Văn H về sử dụng được vài ngày thì đầu máy hiệu HONDA 5,5 ngựa bị hư nên ông H tháo đầu máy trả lại cho bị cáo G.

Vật chứng thu giữ có liên quan gồm: ông Lê Văn M (cha ruột bị cáo G) giao nộp 01 chiếc vỏ lãi Composite kích thước dài 8,14 mét rộng 90 cm, có màu trắng xanh, hiệu Kiên Giang Composite và 01 đầu máy xăng, hiệu HONDA 5,5 ngựa, bình xăng màu trắng có hiệu HONDA, ốp máy màu đỏ. Thu giữ của ông Trương Văn H 01 chiếc vỏ lãi composite, mặt trên có màu xanh dương, mặt

hông có màu trắng, phía trước mũi có chữ “PĐC” màu đỏ và chữ “PHÁT ĐẠT” màu xanh dương, dài 5,90 mét rộng 0,8 mét.

Biên bản định giá tài sản số 29/BB-HĐĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã H kết luận: 01 chiếc vỏ lãi Composite kích thước dài 8,14 mét rộng 90 cm, hiệu Kiên Giang Composite có giá là 4.450.000đồng; 01 đầu máy xăng, hiệu HONDA, bình xăng màu trắng có hiệu HONDA, ốp máy màu đỏ có giá là 1.933.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị can chiếm đoạt trong vụ này là 6.383.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Văn L đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Trương Văn H yêu cầu bị cáo G trả lại số tiền 2.500.000đồng mua vỏ lãi và máy xăng hiệu HONDA, không yêu cầu gì thêm, bị cáo G đã bồi thường xong.

Đối với 01 chiếc vỏ lãi composite, mặt trên có màu xanh dương, mặt hông có màu trắng, phía trước mũi có chữ “PĐC” màu đỏ và chữ “PHÁT ĐẠT” màu xanh dương, dài 5,90 mét rộng 0,8 mét thu giữ của ông Trương Văn H. Kết quả điều tra xác định đây là tài sản của ông Lê Văn M và bị cáo Lê Văn G cùng hùn tiền để mua sử dụng chung trong gia đình, nhưng bị cáo G sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm gia đình không biết, do đó xem xét trả lại cho ông M.

**Vụ thứ 4:** Trong quá trình cho bị cáo G đi thực tế trên tuyến kênh T hướng từ thị trấn T đi P để xác định địa điểm vụ trộm vỏ lãi của anh Thi Hùng C (vụ trộm thứ nhất), thì bị cáo G tự nguyện chỉ địa điểm vụ trộm mô tua xảy ra khoảng tháng 4/2020 (không nhớ ngày tháng), lúc đêm khuya bị cáo G đi một mình điều khiển vỏ lãi từ nhà đi dọc tuyến kênh T hướng thị trấn T đi xã P để tìm tài sản trộm. Khi đến trước nhà ông Hồ Thanh T thuộc ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo G thấy có mô tua Nhật loại 03 ngựa, màu xanh dương đặt dưới đất cặp bờ kênh nên đầu vỏ lãi lên bờ dùng kéo cắt dây điện và tháo ống nước ra khỏi đầu mô tua, khiêng xuống vỏ lãi. Sau khi trộm, bị cáo G bán cho bị cáo Cao Văn V nhưng không nhớ thời gian, địa điểm và giá bán.

Bản kết luận định giá tài sản số 28/BKLĐG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Một mô tua 03 ngựa, màu xanh dương, loại Nhật có giá là 1.400.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ông Hồ Thanh T yêu cầu bồi thường giá trị mô tua bị mất trộm là 1.700.000đồng, bị cáo G đã bồi thường xong, không yêu cầu gì thêm.

**Vụ thứ 5:** Vào đêm khuya ngày 04/5/2020, bị cáo G đi một mình điều khiển vỏ lãi từ nhà đi dọc tuyến kênh T hướng thị trấn T đi xã P để tìm tài sản trộm. Khi đến hầm cá của ông Trần Văn L thuộc ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (ngang Ủy ban nhân dân xã P) thấy có mô tua lớn được đặt trên giá đỡ bằng cây, cặp mé kênh nên bị cáo G ghé vào dùng kéo cắt dây điện và tháo đầu

bò ra khỏi đầu mô tura xong để mô tura xuống vỏ lãi. Bị cáo G tiếp tục lên trại ở bờ kênh thấy có 01 mô tura nhỏ (mô tura mỗi nước) để trong trại nên dùng kéo cắt dây điện và đem xuống vỏ lãi. Trộm xong bị cáo G điện thoại cho bị cáo Cao Văn V đến Nghĩa trang liệt sĩ Biên Giới thuộc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp bán mô tura vừa trộm được. Bị cáo V chạy xe mô tô đến điểm hẹn xem mô tura đồng ý mua với giá 700.000đồng cái mô tura 7,5 ngựa, 200.000đồng mô tura 01 ngựa. Sau khi mua tài sản về, bị cáo V sơn sửa lại và bán cho người lạ cái mô tura 01 ngựa giá 400.000đồng và mô tura 07 ngựa giá 900.000đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 28/BKLDG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Một mô tura 01 ngựa, màu xanh dương đậm, hiệu Cá Sấu, loại Trung Quốc có giá là 700.000đồng; Một mô tura 7,5 ngựa, màu xanh xám, loại Nhật có giá là 2.400.000đồng. Tổng giá trị tài sản trong vụ trộm này là 3.100.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Văn L yêu cầu bồi thường giá trị mô tura bị mất trộm là 4.500.000đồng, bị cáo đã bồi thường xong, không yêu cầu gì thêm.

**Vụ thứ 6:** Vào khoảng 22 giờ ngày 10/5/2020, bị cáo Lê Văn G điều khiển vỏ lãi từ nhà đến khu vực cầu Nguyễn Tất Thành thuộc phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đón V để đi tìm tài sản trộm. Sau đó, bị cáo G điều khiển vỏ lãi đi trên tuyến kênh T hướng từ thị trấn T đi xã P. Khi đến khu vực hầm nuôi cá của bà Nguyễn Thị L thuộc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thấy có mô tura để cặp bờ kênh không người trông coi nên bị cáo G điều khiển vỏ lãi đậu cặp bờ kênh rồi đi lên chỗ đặt mô tura, bị cáo G dùng kéo cắt dây điện và chìa khóa mở ốc chân rồi kéo mô tura sang một bên. Do mô tura lớn khó di chuyển nên bị cáo G kêu V khiêng mô tura để xuống khoang vỏ lãi rồi tiếp tục điều khiển vỏ lãi chạy hướng ra xã P.

Khi đến khu vực hầm nuôi cá của bà Trương Thị Thúy L cách hầm cá của bà L khoảng 500 mét, bị cáo G thấy có mô tura không người trông coi nên mới đậu vỏ lãi cặp bờ kênh rồi đi lên kho chứa thức ăn, phía sau có 01 mô tura. Bị cáo G dùng kéo cắt dây điện và tháo ống nước ra khỏi mô tura rồi khiêng mô tura xuống để dưới khoang vỏ lãi, xong tiếp tục điều khiển vỏ lãi chạy ra hướng xã P. Trên đường chạy đi, bị cáo G gọi điện cho bị cáo Cao Văn V nói có “hàng” (tức có mô tura) rồi kêu qua mua và hẹn gặp nhau tại Nghĩa trang liệt sĩ Biên giới ở ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong khi chờ bị cáo V đến mua mô tura trộm thì bị cáo G tiếp tục điều khiển vỏ lãi chạy ra hướng xã P. Khi gần đến Ủy ban nhân dân xã P thì bị cáo G nhìn thấy 01 chiếc tắc rắng chở vịt đang đậu cặp bờ kênh bên tuyến tỉnh lộ ĐT 844 thuộc ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo G mới điều khiển vỏ lãi chạy lại đậu cặp tắc rắng, thấy không có người trên tắc rắng nên bị cáo G leo qua phía sau chỗ đặt máy, giờ khoang hầm phía sau thấy có 02 bình ắc quy nên bị cáo G dùng kéo cắt dây điện và lấy 02 bình ắc quy lên để V bỏ qua vỏ lãi. Lấy trộm xong bị cáo G điều khiển vỏ lãi về đậu dưới mé kênh trước nghĩa

trang liệt sĩ Biên Giới xã P rồi sau đó mới khiêng 02 mô tưa để trên cầu tàu, 02 bình ắc quy thì để phía dưới bên trong cầu thang lên cầu tàu và ngồi đợi bị cáo V đến để bán mô tưa.

Đến khoảng gần 2 giờ ngày 11/5/2020, bị cáo V điều khiển xe mô tô biển số 66M1 - 8507 (loại xe tự chế 3 bánh) chạy đến Nghĩa trang. Khi thấy 02 mô tưa thì bị cáo V ra giá cái lớn 700.000đồng, cái nhỏ 300.000đồng, bị cáo G đồng ý bán rồi cùng với V khiêng mô tưa lên xe cho bị cáo V (do bị cáo V bị khuyết tật liệt hai chân), đồng thời bị cáo G có hỏi bị cáo V mua bình ắc quy không thì bị cáo V nói không mua. Sau khi băng dây buộc mô tưa lại chưa kịp nhận tiền bán mô tưa thì bị cáo G phát hiện có lực lượng Công an đang đi tuần tra chạy đến nên bỏ chạy xuống vồ lãi rồi cùng với V bơi vồ lãi ra giữa sông rồi giật máy tẩu thoát, trên đường đi bị cáo G bỏ các dụng cụ dùng để trộm tài sản xuống kênh. Riêng bị cáo V lúc này định bỏ chạy thì Tổ tuần tra Công an huyện T đến kiểm tra phát hiện 02 mô tưa cùng 02 bình ắc quy ở dưới cầu thang nên lập biên bản phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ của bị cáo Cao Văn V: 01 mô tưa điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu, loại 15AH (dòng điện 3 pha), đã qua sử dụng; 01 mô tưa điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu, loại 2AH (dòng điện 1 pha), đã qua sử dụng; 02 bình ắc quy nhãn hiệu SCB N150 (145G51) 12V150AH màu trắng, nắp màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màu vàng hiệu MOBIISTAR, có gắn sim số 0379 438 919 và sim 0949 435 038; 01 xe mô tô biển số 66M1 - 8507 màu xanh, nhãn hiệu Waves, loại xe 3 bánh tự chế dành cho người khuyết tật, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ việc mua tài sản trộm.

Thu giữ phương tiện bị cáo Lê Văn G dùng để trộm: 01 chiếc vồ lãi composite, màu trắng xanh, kích thước dài 6,4 mét rộng 0,8 mét, đã qua sử dụng. Đây là tài sản bị cáo G trộm trong vụ thứ 2, đã trả lại cho bị hại; 01 máy xăng, lốc máy màu bạc, bình xăng màu cam, ốp lốc máy phía sau màu cam đen, nhãn hiệu HINOTA, có gắn dàn lắp chân vịt ba cánh, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA 105, có gắn sim số 0865 676 460.

Thu giữ của ông Lê Văn M: 01 đèn pin loại đèn đội đầu màu đen, có viền màu xanh lá cây, bên hông có 02 dòng chữ Trung Quốc do bị cáo G dùng để làm phương tiện trộm.

Thu giữ của ông Nguyễn Văn C: 01 máy xăng hiệu HUYNDAI, có số máy HE200-A1612000240, bình xăng màu trắng bị thủng ở trên, nắp bình xăng bằng kim loại màu đen có gắn dàn lắp dài 3,05 mét, chân vịt 3 cánh.

Bản kết luận định giá tài sản số: 23/BKLĐG ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) mô tưa, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, 15AH, sử dụng dòng điện 3 pha, tài sản đã

qua sử dụng, giá trị định giá là 2.500.000đồng; 01 mô tơ, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, 2AH, sử dụng dòng điện 1 pha, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 850.000đồng; 02 bình ắc quy, nhãn hiệu SCB NI 50, loại 12V150AH, màu trắng, nắp bình màu đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 580.000đồng/01 cái x 2 cái là 1.160.000đồng. Tổng giá trị tài sản trong vụ này là 4.510.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L, Trương Thị Thúy L đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

Ngoài ra, bị cáo Lê Văn G còn trộm mô tơ trên địa bàn huyện T: Trong quá trình điều tra, bị cáo Cao Văn V giao nộp cho cơ quan điều tra 1,42kg dây đồng đã bị cắt thành từng đoạn và 03 mô tơ có đặc điểm như sau: 01 mô tơ màu xanh lá cây đậm, phía trên nắp có chữ “BL Bảo Long” và có 02 cực điện màu vàng ở hai bên, phía đầu mô tơ có 01 vòng 2 rãnh dây cuaro; 01 mô tơ 2 ngựa dài 50 cm x cao 31 cm, nắp bằng nhựa màu xanh dương, có gắn đoạn dây điện màu xanh, thân máy màu xám; 01 mô tơ 3 ngựa dài 59 cm x cao 41 cm, phía trên có gắn ống nhựa màu xanh, thân máy màu xám đen. Bị cáo V thừa nhận tài sản giao nộp nêu trên mua của bị cáo G trộm mà có. Cụ thể: không nhớ ngày tháng chỉ biết vào ban đêm, địa điểm tại Nghĩa trang liệt sĩ Biên Giới ở xã P, mua 02 lần:

*Lần 1:* mua của bị cáo G 02 mô tơ ống, 01 cái 02 ngựa và 01 cái 03 ngựa với giá 400.000đồng/cái x 2 cái = 800.000đồng. Bị cáo V mang về chỉ sửa được cái mô tơ 02 ngựa còn cái mô tơ 03 ngựa bị hư tháo dây đồng ra.

*Lần 2:* Mua 01 cái mô tơ 05 ngựa hiệu Bảo Long và 01 cái mô tơ 01 ngựa với giá 700.000đồng. Bị cáo V mang về sửa lại cái mô tơ 05 ngựa hiệu Bảo Long, còn cái mô tơ 01 ngựa thì bị hư nên bán phế liệu, sau đó bị phát hiện nên giao nộp lại mô tơ hiệu Bảo Long.

Bị cáo G thừa nhận thực hiện hành vi trộm 04 mô tơ điện do bị cáo V giao nộp trong 02 lần trên địa bàn huyện T, nhưng không nhớ cụ thể ở địa điểm nào, chưa xác định được bị hại. Cả hai vụ trộm này bị cáo G không nhớ rõ ngày chỉ nhớ trong tháng 4/2020.

Kết quả điều tra xác định ông Nguyễn Văn P ngụ khóm VC, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là bị hại bị mất trộm 01 mô tơ loại 03 ngựa tại hầm cá thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu hai mô tơ còn lại, khi nào có kết quả sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản kết luận định giá tài sản số: 26/BKLĐG ngày 16/6/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 mô tơ màu xanh lá cây đậm, phía trên nắp có chữ “BL Bảo Long” và có 02 cực điện màu vàng ở hai bên, phía đầu mô tơ có 01 vòng 2 rãnh dây cuaro có giá



1.700.000đồng; 01 mô tua 2 ngựa dài 50 cm x cao 31 cm, nắp bằng nhựa màu xanh dương, có gắn đoạn dây điện màu xanh, thân máy màu xám có giá trị 1.300.000đồng; 01 mô tua 3 ngựa dài 59 cm x cao 41 cm, phía trên có gắn ống nhựa màu xanh, thân máy màu xám đen có giá trị 1.300.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 4.300.000đồng. Riêng đối với cái mô tua 01 ngựa bị hư mà bị cáo V bán phế liệu, không rõ nhãn hiệu loại nên không định giá được.

Về dân sự: Hiện nay ông P đã nhận lại tài sản bị mất trộm và yêu cầu bồi thường giá trị tài sản theo định giá là 1.300.000đồng, bị cáo G và bị cáo Cao Văn V thống nhất bồi thường, đã giao nhận tiền xong.

Ngoài ra, bị cáo V còn thừa nhận mua tài sản là mô tua do bị cáo G trộm cắp mà có một lần, không nhớ rõ ngày tháng, mua 03 cái mô tua loại 01 ngựa với giá 200.000đ/cái x 3 cái = 600.000đồng. Sau đó bị cáo V mang về vệ sinh lại rồi bán cho người lạ với giá 400.000đ/cái x 3 cái = 1.200.000đồng. Bị cáo G thừa nhận có bán mô tua trộm cho bị cáo V tại thị xã H, tuy nhiên bị cáo G không nhớ trộm ở đâu, thời gian nào, bị hại là ai do đó không xác định được đặc điểm tài sản thiệt hại, địa điểm xảy ra và người bị hại là ai nên không thể định giá.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKS-TN ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Cao Văn V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo G khai tất cả các lần bán mô tua cho bị cáo Cao Văn V đều nói là do mua trên Campuchia đem về bán lại chứ không nói do trộm mà có. Đối với bị cáo Cao Văn V theo điều tra ban đầu thừa nhận mua mô tua của bị cáo G bán 05 lần được 12 mô tua; tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Cao Văn V thừa nhận mua mô tua lần đầu 03 cái ở H không biết là tài sản do bị cáo G trộm, còn 04 lần mua mô tua sau thì thừa nhận do bị cáo G trộm bán lại là 09 cái mô tua nên chỉ xem xét trách nhiệm là 04 lần với 09 cái mô tua trị giá 11.150.000đồng là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Lê Văn G, phạm tội "Trộm cắp tài sản" hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s, p khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Cao Văn V, phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" hình phạt cải tạo không giam giữ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Văn G khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Ngoài ra, bị cáo khai tất cả các lần bán mô tura cho bị cáo Văn Văn V là 12 cái mô tura không nói tài sản do trộm mà có chỉ nói mua ở Campuchia về bán lại. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Cao Văn V khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên bị cáo thừa nhận mua mô tura lần đầu 03 cái ở Hồng Ngự không biết là tài sản do bị cáo G trộm, còn 04 lần mua mô tura sau thì thừa nhận do bị cáo G trộm bán lại là 09 cái mô tura. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn M trình bày: Việc con ông là bị cáo Lê Văn G trộm cắp tài sản ông hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra ông có đưa tổng số tiền là 25.300.000 đồng để bị cáo bồi thường cho bị hại và những người liên quan, ông không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn S trình bày: Việc bị cáo Lê Văn G các lần trộm cắp tài sản anh Sang không tham gia và cũng hoàn toàn không biết. Đến khi công an làm việc anh Sang mới biết là bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám hiện trường, Sơ đồ hiện trường ngày 14/5/2020, ngày 27/5/2020 và ngày

04/6/2020 của Công an huyện T; Biên bản bị cáo xác định hiện trường ngày 27/5/2020 của Công an huyện T; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/5/2020 của Công an huyện T; Biên bản thực nghiệm điều tra, Sơ đồ thực nghiệm điều tra ngày 23/7/2020 của Công an thị xã Hồng Ngự; Lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Bị cáo Lê Văn G thực hiện trộm cắp tài sản một cách lén lút, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo G đã thực hiện nhiều vụ trộm trên địa bàn huyện T, thị xã H và huyện T từ tháng 04/2020 đến tháng 05/2020, cụ thể: Trên địa bàn thị xã H, trong tháng 04/2020 bị cáo G thực hiện 02 lần trộm cắp 02 vỏ lãi Composite và 02 máy xăng, tài sản chiếm đoạt có giá trị định giá là 13.233.000đồng. Trên địa bàn huyện T, cũng trong tháng 04/2020 bị cáo G thực hiện 02 vụ trộm cắp 03 mô tua điện, tài sản chiếm đoạt có giá trị định giá là 4.300.000đồng. Trên địa bàn huyện T, trong tháng 04/2020 bị cáo G trộm 01 vỏ lãi Composite và 01 máy xăng giá trị định giá là 8.050.000đồng. Thực hiện trộm mô tua 02 vụ: trộm của ông Hồ Thanh T 01 mô tua giá trị định giá 1.400.000đồng; trộm của ông Trần Văn L 02 mô tua giá trị định giá là 3.100.000đồng. Đến tối ngày 10/5/2020, bị cáo G trộm của bà Nguyễn Thị L 01 mô tua giá trị định giá 2.500.000đồng, của bà Trương Thị Thúy L 01 mô tua giá trị định giá 850.000đồng và 02 bình ác quy giá trị định giá 1.160.000đồng chưa xác định được bị hại, giá trị tài sản trong vụ trộm này là 4.510.000đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo G trộm cắp là 34.593.000đồng

Hành vi của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Đối với bị cáo Cao Văn V không hứa hẹn trước nhưng biết rõ bị cáo G trộm cắp tài sản đem đi bán mà vẫn mua của bị cáo G 05 lần được 12 mô tua, thu lợi bất chính 2.500.000đồng. Tuy nhiên, bị cáo G khai tất cả các lần bán 12 mô tua cho bị cáo Cao Văn V không nói do trộm mà có, chỉ nói là do mua trên Campuchia đem về bán lại. Bị cáo Cao Văn V thừa nhận mua mô tua lần đầu 03 cái ở H không biết là tài sản do bị cáo G trộm, còn 04 lần mua mô tua sau thì thừa nhận do bị cáo G trộm bán lại là 09 cái mô tua, bị cáo mua vào đêm khuya ở Nghĩa trang biên giới xã P, huyện T nên chỉ xem xét trách nhiệm là 04 lần với 09 cái mô tua trị giá 11.150.000đồng (Trong đó, trộm tại xã P, huyện T 05 cái: 01 cái trị giá 1.400.000đ, 01 cái trị giá 17.000.000đ, 01 cái trị giá 2.400.000đ, 01 cái trị giá 2.500.000đ và 01 cái trị giá 850.000đ; huyện T 04 cái: 01 cái trị giá 1.700.000đ, 01 cái trị giá 1.300.000đ, 01 cái trị giá 1.300.000đ và 01 mô tua bị

cáo V bán phế liệu không nhãn hiệu, không thu hồi được nên không định giá được) là phù hợp.

Hành vi của bị cáo Cao Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân.

Bản thân bị cáo G có khả năng hành vi nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại Võ Văn L có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động duy nhất nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 5 lần trở lên nhưng không nhằm mục đích làm nguồn sinh sống chính, vì bị cáo cũng có nghề nghiệp làm thuê thu nhập khoảng 100.000đồng đến 200.000đồng/ ngày, bị cáo trộm tài sản để tiêu xài cá nhân và một phần trả tiền việc phí nuôi mẹ bị bệnh nên không áp dụng phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp” mà áp dụng tình tiết tăng nặng do phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Bản thân bị cáo Cao Văn V là người đã thành niên có năng lực hành vi nhận thức việc bị cáo G trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo không báo cơ quan chức năng xử lý mà lại mua các tài sản là mô tua do bị cáo G trộm cắp bán đem về bán lại để hưởng chênh lệch giá trị. Qua đó, cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong cho bị hại Nguyễn Văn Pg; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người khuyết tật nặng được UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 01/4/2019; bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động duy nhất; bị cáo đang dạy người khuyết tật học sửa điện cơ tại tiệm nhà của bị cáo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s, p khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Cao Văn V phạm tội trong điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn là người khuyết tật nặng và hiện nay bị cáo cũng đang là người trực tiếp dạy học viên cũng là người khuyết tật học nghề sửa điện cơ tại tiệm sửa điện cơ nhà của bị cáo cũng giúp ích cho xã hội. Hành vi của bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và nhân thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo trong quá trình cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

[4] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân các bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 mô tua điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu, loại 15AH (dòng điện 3 pha), đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Nguyễn Thị L; 01 mô tua điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu, loại 2AH (dòng điện 1 pha), đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Trương Thị Thúy L; 01 vỏ lõi composite, màu xanh trắng, bên hông có nhãn hiệu Hữu Duy (Đại lý Đời Đệp) dài 9,20m, rộng 1m, đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Thi Hùng C; 01 vỏ lõi composite, màu xanh trắng, nhãn hiệu CMC dài 6,4m x rộng 0,8m bên hông có dòng chữ “6m5 CaMau vỏ lõi cao cấp, Tấn Đạt composite ĐĐ 0918 897 833, CMC composite ĐT: 0919 657 509”, đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Võ Ngọc T; 01 đầu máy xăng hiệu HONDA loại 5,5 ngựa, bằng xăng màu trắng, thân máy màu đỏ, nắp chụp dây điện màu đen, nắp bình xăng bằng kim loại có gắn dây găng nối vào nắp bo – e, đã qua sử dụng thuộc sở hữu của Võ Văn L; 01 mô tua 3 ngựa dài 59cm x cao 41cm, phía trên có gắn ống nhựa màu xanh, thân máy màu xám đen và 1,42kg dây đồng đã cắt thành từng đoạn thuộc sở hữu của Nguyễn Văn P. Trong quá trình điều tra Công an huyện T xác định là tài sản của những người trên bị mất trộm đã trao trả lại xong nên không xem xét.

-Đối với 02 bình ắc quy, nhãn hiệu SCB NI 50, loại 12V150AH; 01 máy xăng hiệu HUYNDAI, có số máy HE200-A1612000240, bình xăng màu trắng bị thủng ở trên thu giữ của Nguyễn Văn C, bị cáo G khai nhận là tài sản trộm bán cho ông C, tuy nhiên bị cáo G không nhớ trộm ở đâu, khi nào; 01 mô tua màu xanh lá cây đậm, phía trên nắp có chữ “BL Bảo Long” và có 02 cục điện màu vàng ở hai bên, phía đầu mô tua có 01 vòng 2 rãnh dây cuaro; 01 mô tua 2 ngựa dài 50 cm x cao 31 cm, nắp bằng nhựa màu xanh dương, có gắn đoạn dây điện màu xanh, thân máy màu xám. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa được. Vì vậy, xét thấy giao cho Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục quản lý và xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp theo Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 máy xăng, lốc máy màu bạc, bình xăng màu cam, ốp lốc máy phía sau màu cam đen, nhãn hiệu HINOTA, có gắn dàn lắp chân vịt ba cánh, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA 105, có gắn sim số 0865 676 460; 01 đèn pin loại đèn đội đầu màu đen, có viền màu xanh lá cây, bên hông có 02 dòng chữ Trung Quốc. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo G nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động màu vàng hiệu MOBIISTAR, có gắn sim số 0379 438 919 và sim 0949 435 038; 01 xe mô tô biển số 66M1 - 8507 màu xanh, nhãn hiệu Waves, loại xe 3 bánh tự chế dành cho người khuyết tật do ông Phạm Văn B đứng tên sở hữu, qua làm việc ông B khai đã bán xe trên cho người khác (không nhớ bán cho ai) khoảng 10 năm nay, bị cáo V khai mua xe trên của người khác (không nhớ mua của ai) năm 2008 chưa sang tên; tiền Việt Nam: 2.500.000đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán tài sản trộm mà có do bị cáo G tự nguyện nộp lại. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện phạm tội thuộc sở hữu của bị cáo V nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc vỏ lãi composite, mặt trên có màu xanh dương, mặt hông có màu trắng, phía trước mũi có chữ “PĐC” màu đỏ và chữ “PHÁT ĐẠT” màu xanh dương, dài 5,90 mét rộng 0,8 mét. Xét thấy, vật chứng này thuộc sở hữu của Lê Văn M do bị cáo G là con ruột tự ý dùng tài sản trên để trộm cắp ông M hoàn toàn không biết nên xem xét trả lại cho ông M là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị hại Võ Ngọc T, Võ Văn L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị L, Trương Thị Thúy L, Thi Hùng C, Trần Văn L và Hồ Thanh T đã nhận lại tài sản mất trộm và tiền bồi thường xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Đ, Nguyễn Văn C và Trương Văn H mua tài sản của bị cáo G trộm được đem bán tài sản công an đã thu hồi. Trong quá trình điều tra bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường và ông Đ, C, H đã nhận lại đủ tiền xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[7] Đối với người tên V (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) thực hiện các vụ trộm cắp tài sản theo lời khai bị cáo Lê Văn G. Hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Đối với Lê Văn M và Lê Văn S. Trong quá trình điều tra chứng minh không biết cũng không tham gia cùng bị cáo Lê Văn G trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[9] Đối với bị cáo Lê Văn G có vợ Phan Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung Lê Văn C, sinh năm 2015 cùng ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hành vi của bị cáo G có dấu hiệu tội phạm nhưng chưa được làm rõ nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xử lý theo pháp luật.

[10] *Về án phí*: Bị cáo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Cao Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng thuộc trường hợp người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s, p khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Cao Văn V phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn V 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Cao Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

**3.** Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước*: 01 (một) máy xăng, lốc máy màu bạc, bình xăng màu cam, ốp lốc máy phía sau màu cam đen, nhãn hiệu HINOTA, có gắn dàn lắp chân vịt ba cánh, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu NOKIA 105, có gắn sim số 0865 676 460; 01 (một) đèn pin loại đèn đội đầu màu đen, có viền màu xanh lá cây, bên hông có 02 dòng chữ Trung Quốc; 01 (một) điện thoại di động màu vàng hiệu MOBIISTAR, có gắn sim số 0379 438 919 và sim 0949 435 038; 01 (một) xe mô tô biển số 66M1 - 8507 màu xanh, nhãn hiệu Waves, loại xe 3 bánh tự chế dành cho người khuyết tật do ông Phạm Văn Bình đứng tên sở hữu; tiền Việt Nam: 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

- *Trả lại Lê Văn M*: 01 (một) chiếc vỏ lãi composite, mặt trên có màu xanh dương, mặt hông có màu trắng, phía trước mũi có chữ “PĐC” màu đỏ và chữ “PHÁT ĐẠT” màu xanh dương, dài 5,90 mét rộng 0,8 mét.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

- *Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp*: Tiếp tục quản lý và xử lý theo quy định pháp luật 02 (hai) bình ắc quy, nhãn hiệu SCB NI 50, loại 12V150AH; 01 (một) máy xăng hiệu HUYNDAI, có số máy HE200-A1612000240, bình xăng màu trắng bị thủng ở trên thu giữ của Nguyễn Văn C, bị cáo G khai nhận là tài sản trộm bán cho ông C, tuy nhiên bị cáo G không nhớ trộm ở đâu, khi nào; 01 (một) mô tua màu xanh lá cây đậm, phía trên nắm có chữ “BL Bảo Long” và có 02 cục điện màu vàng ở hai bên, phía đầu mô tua có 01 vòng 2 rãnh dây cuaro; 01 (một) mô tua 2 ngựa dài 50 cm x cao 31 cm, nắp bằng nhựa màu xanh dương, có gắn đoạn dây điện màu xanh, thân máy màu xám.

(Tất cả vật chứng nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

**4. Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Văn G phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Cao Văn V phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo thuộc trường hợp người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải nộp án phí.

**5. Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp** trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ



ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hứa Quang Thông**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hứa Quang Thông**

